

UBND HUYỆN VĂN GIANG
TRƯỜNG MẦM NON VĨNH KHÚC

CÔNG BỐ CÔNG KHAI
Thời điểm: Tháng 9 năm 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở giáo dục:** Trường mầm non Vĩnh Khúc
- Địa chỉ:** Thôn Vĩnh An- Vĩnh Khúc -Văn Giang-Hung Yên

Điện thoại: 02213729754

Email: mamnonvk@gmail.com

Cổng thông tin điện tử: c0vinhkhucvg.hungyen.edu.vn

- Loại hình:** Công lập
- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu**

4.1. Tầm nhìn

Một ngôi trường thân thiện, uy tín, chất lượng là nơi trẻ được phát triển toàn diện.

4.2. Sứ mệnh

Tạo dựng được môi trường xanh, an toàn, thân thiện có kỷ cương, tình thương, trách nhiệm có chất lượng để mỗi trẻ em đều có cơ hội phát triển toàn diện.

4.3. Mục tiêu:

Phát triển giáo dục mầm non của nhà trường đảm bảo duy trì nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, chuẩn bị điều kiện phổ cập cho trẻ em 4 tuổi, nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ em đạt chuẩn chất lượng giáo dục mầm non và tiếp cận quốc tế; xây dựng mạng lưới trường, lớp mầm non theo hướng trường học xanh, chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế; xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo đạt chuẩn chức danh nghề nghiệp theo vị trí việc làm, có chuyên môn giỏi, phẩm chất đạo đức tốt, phong cách đẹp; đổi mới công tác quản lý, nâng cao năng lực tự chủ của cơ sở giáo dục mầm non; xây dựng mô hình phối hợp hỗ trợ gia đình, cộng đồng, nhà trường trong chăm sóc, giáo dục, chuẩn bị tốt tâm thế cho trẻ em mầm non vào lớp một.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Mầm non Vĩnh Khúc trải qua các giai đoạn xây dựng và trưởng thành từ trường mầm non bán công, đến tháng 7/2013 được UBND huyện Văn

Giang ra Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 30/7/2013 về việc chuyển đổi trường mầm non bán công sang trường mầm non công lập.

Năm học 2021-2022, trường Mầm non Vĩnh Khúc đã đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 2022/QĐ-CTUBND ngày 31 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Hưng Yên.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trẻ, khỏe, linh hoạt, sáng tạo, đoàn kết, nhiệt tình có sự thống nhất, phối hợp tốt trong công việc, thực hiện tốt các cuộc vận động và phong trào thi đua do ngành phát động, hàng năm có nhiều giáo viên giỏi cấp trường, cấp huyện, cấp tỉnh, có sáng kiến được Phòng xếp loại. Vì vậy nhiều năm học nhà trường đã đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến, xuất sắc”. Chi bộ Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ:

Họ và tên: Lê Thị Hương

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Vĩnh An- Vĩnh Khúc -Văn Giang-Hung Yên

Số điện thoại: 0358242814; Địa chỉ thư điện tử: lehuong@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

7.1. Quyết định thành lập:

Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 30/7/2013 về việc chuyển đổi trường mầm non bán công sang trường mầm non công lập

7.2. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục:

Nhà trường có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo Điều lệ trường mầm non gồm 01 HT và 02 PHT:

- Đồng chí Lê Thị Thu Hương được bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng trường Mầm non Vĩnh Khúc theo quyết định số QĐ số 9999/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2023 của UBND huyện Văn Giang.

- Đồng chí Lê Thị Hợi được bổ nhiệm chức vụ PHT theo quyết định số 10191/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2021 của UBND huyện Văn Giang.

- Đồng chí Đỗ Thị Hoa được điều động và bổ nhiệm chức vụ PHT trường Mầm non Vĩnh Khúc theo quyết định số 2611/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2024 của UBND huyện Văn Giang.

7.3. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

Cơ cấu tổ chức nhà trường

Cơ cấu tổ chức trường Mầm non Vĩnh Khúc gồm có:

- Hội đồng trường;

- Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng;
- Hội đồng thi đua khen thưởng;
- Hội đồng kỉ luật;
- Hội đồng tư vấn;
- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam
- Tổ chức Công đoàn,
- Các tổ Chuyên môn, tổ Văn phòng;
- Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

Xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, tầm nhìn, sứ mệnh và các giá trị cốt lõi của nhà trường.

Tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Chủ động đề xuất nhu cầu, tham gia tuyển dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường Mầm non Vĩnh Khúc ; quản lý, sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định. Công bố công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của nhà trường trong quản lý hoạt động giáo dục.

Huy động trẻ em lứa tuổi mầm non đến trường; quản lý trẻ em; tổ chức giáo dục hoà nhập cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khuyết tật; thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trong phạm vi được phân công; thực hiện hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non khác trên địa bàn nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục theo phân công của cấp có thẩm quyền.

Huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật; xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa.

Tham mưu với chính quyền, phối hợp với gia đình hoặc người chăm sóc trẻ em và tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em tham gia các hoạt động phù hợp trong cộng đồng.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Được đăng tải trên cổng TTĐT của nhà trường.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo:

*** Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý:** 02 vị trí, chiếm 15,38%.

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng viên chức	Chức danh nghề nghiệp tương ứng Ghi chú
1	Hiệu trưởng	1	Giáo viên mầm non hạng II
2	Phó Hiệu trưởng	2	Giáo viên mầm non hạng III

*** Vị trí việc làm viên chức nghiệp vụ chuyên ngành:** 04 vị trí, chiếm 30,76%.

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng viên chức	Chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	Giáo viên mầm non hạng I	0	Giáo viên mầm non hạng I
2	Giáo viên mầm non hạng II	04	Giáo viên mầm non hạng II
3	Giáo viên mầm non hạng III	32	Giáo viên mầm non hạng III
4	Hỗ trợ người khuyết tật	0	Nhân viên hỗ trợ người khuyết tật hạng IV

2.3. Vị trí việc làm viên chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 03 vị trí, chiếm 23,07%.

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng viên chức	Chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	Văn thư viên	Kiểm nhiệm	Văn thư viên
2	Kế toán viên	Kiểm nhiệm	Kế toán viên
3	Nhân viên thủ quỹ	Kiểm nhiệm	Nhân viên thủ quỹ

3. Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: tổng số: 04 vị trí, trong đó:

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng	Ghi chú
1	Nhân viên bảo vệ	2	
2	Nhân viên nấu ăn	6	
3	Nhân viên phục vụ	0	

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng	Ghi chú
4	Y tế học đường	Kiểm nhiệm	

**2.Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp:
Kết quả đánh giá chuẩn hiệu trưởng,PHT năm học 2023-2024:**

Tổng số CBQL	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
2	0	0%	0	0%	0	0%	2	100%

Kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non năm học 2023-2024:

Tổng số giáo viên	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
36	0	0%	0	0%	25	69,4%	11	31,6%

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định:

- 36/36 CB,GV hoàn thành bồi dưỡng theo quy định đạt 100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

TT	Địa chỉ	Diện tích điểm trường	Diện tích sân chơi
Cộng tổng diện tích toàn trường		3.176 m ²	2.300 m ²
Diện tích toàn trường tính bình quân/01 trẻ em: 5,23 m ² /trẻ (Chưa đạt chuẩn theo quy định)			

2. Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

TT	Tên phòng	Số lượng	Diện tích	Đối sánh với yêu
----	-----------	----------	-----------	------------------

				cầu tối thiểu theo quy định
1	Phòng Hội đồng	1	60 m ²	Đạt yêu cầu chuẩn CSVC mức 2
2	Phòng Hiệu trưởng	1	21 m ²	Đạt yêu cầu
3	Phòng Phó Hiệu trưởng	2	38 m ²	Đạt yêu cầu
5	Phòng Y tế	1	13 m ²	Đạt yêu cầu
6	Phòng bảo vệ	1	20 m ²	Đạt yêu cầu
7	Phòng học kiên cố	24	1000 m ²	Đạt yêu cầu
8	Phòng vệ sinh (của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo)	24	120 m ²	Đạt yêu cầu
9	Hiên chơi (của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo)	11	300 m ²	Đạt yêu cầu
10	Nhà kho	1	40m ²	Đạt yêu cầu
11	Bếp	1	70 m ²	Đạt yêu cầu

3. Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

T	Tên danh mục đồ dùng, thiết bị dạy học, đồ chơi hiện có	Số lượng (bộ)	So với yêu cầu tối thiểu đủ (thiếu)
1	Bộ đồ dùng thiết bị lớp NT	7	Đủ
2	Bộ đồ dùng thiết bị lớp 3T	7	Đủ
3	Bộ đồ dùng thiết bị lớp 4T	7	Đủ
4	Bộ đồ dùng thiết bị lớp 5T	7	Đủ

4. Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác

TT	Danh mục thiết bị hiện có	Số lượng	So với yêu cầu tối thiểu đủ (thiếu)
1	Máy vi tính	4	Thiếu
2	Máy chiếu	1	Đủ
3	Ti vi	23	Thiếu

5	Đồ chơi ngoài trời	5	Đủ
---	--------------------	---	----

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá:

- Kết quả tự đánh giá chất lượng năm học 2021-2022: Đạt KĐCL cấp độ 2.
- Kế hoạch cải tiến chất lượng: hằng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo tình hình thực tế, lưu trữ tại hồ sơ kiểm định.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm:

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia:

+ Trường được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo quyết định số 892/QĐ-SGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2022 của sở GD&ĐT Hưng Yên.

+ Trường Mầm non Vĩnh Khúc đã đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 2022/QĐ-CTUBND ngày 31 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Hưng Yên.

- Kế hoạch cải tiến chất lượng: Hằng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo tình hình thực tế, lưu trữ tại hồ sơ kiểm định

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học 2024-2025:

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	605		44	64	130	164	202
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	605		44	64	130	164	202

4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	605		44	64	130	164	202
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	605		44	64	130	164	202
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	605		44	64	130	164	202
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	601	0	44	63	129	163	201
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	4	0	0	1	1	1	1
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	596	0	44	63	128	161	199
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	9	0		1	2	3	3
5	Số trẻ nặng hơn so với tuổi	8	0	0	1	2	3	2
6	Số trẻ cao hơn so với tuổi							
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	108	0	44	64			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	497				130	164	202

2. Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi:

Duy trì bền vững chất lượng phổ cập giáo dục trẻ em 5 tuổi. Trường được công nhận đạt chuẩn công tác phổ cập GDMN trẻ năm tuổi từ năm 2012 đến năm 2023.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

1.1. Công khai quyết toán ngân sách nhà nước cấp từ 01/01/2024 - 31/5/2024

T T	Nội dung	Tổng kinh phí được nhà nước cấp	Tổng kinh phí phải tiết kiệm	Tổng kinh phí được sử dụng chi	Tổng kinh phí đã sử dụng chi	Ghi chú
I	Tổng ngân sách được cấp	6.647.447.000		6.647.447.000	2.551.430.433	
II	Nội dung ngân sách cấp					
1	Chi hoạt động thường xuyên	5.247.447.000		5.247.447.000	2.551.430.433	
	- Chi lương và các khoản phụ cấp theo lương của cán bộ, giáo viên, nhân viên				1.824.228.353	
	- Phúc lợi tập thể				98.800.000	
	- Các khoản đóng góp				325.257.524	
	- Thanh toán dịch vụ công cộng				34.565.556	
	- Vật tư văn phòng				17.550.000	
	- Chi phí thuê mướn				30.000.000	
	- Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng				43.924.000	

	- Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành				55.995.000	
	- Chi khác				105.256.000	
	- Chi thiết bị công nghệ thông tin				15.854.000	
2	Chi hoạt động không thường xuyên	1.400.000.000		1.400.000.000		
	- Chi cấp bù học phí	5.000.000		5.000.000		
	- Chi bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					
	- Chi tham quan học tập					
	- Chi cải tạo, sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất của nhà trường					
	- Chi mua sắm tăng cường trang thiết bị cho nhà trường					
	- Chi khác					
					
3	Thực hiện dự án xây dựng, mua sắm thiết bị, đồ dùng dạy học, đồ chơi trẻ em					
	- Dự án xây dựng CSVC					

- Dự án mua sắm trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi trẻ em					
---	--	--	--	--	--

1.2 Công khai quyết toán các khoản đóng góp từ học sinh và số tiền được viện trợ, tài trợ, được biểu, được tặng, được ủng hộ năm học 2023-2024

T T	Danh mục quyết toán	Tổng kinh phí thu được	Tổng kinh phí phải nộp đi	Tổng kinh phí được để lại chi	Tổng kinh phí đã chi	Kinh phí còn lại chuyển năm học sau
1	Tiền học phí	313.381.000	303.979.570	9.401.430	9.401.430	Số tiền còn nằm trong TK kho bạc
2	Tiền điện	42.161.000	0	42.161.000	42.161.000	0
3	Tiền nước uống	45.913.462	0	45.913.462	45.913.462	0
4	Tiền trông xe	0	0	0	0	0
5	Tiền vệ sinh	30.115.000	0	30.115.000	30.115.000	0
6	Tiền học thứ 7	624.240.000	0	624.240.000	624.240.000	0
7	Tiền học Tiếng Anh bổ trợ	289.600.000	289.600.000	0	0	0
8	Tiền học kỹ năng sống	0	0	0	0	0
9	Tiền bán trú	728.250.000	0	728.250.000	728.250.000	0
10	Tiền mua vở viết, đồ dùng học tập và đồ	0	0	0	0	0

	chơi của trẻ					
11	Tiền trải nghiệm	0	0	0	0	0
12	Tiền may (mua) đồng phục	0	0	0	0	0
13	Tiền bảo hiểm thân thể	84.400.000	84.400.000	0	0	0
14	Tiền các khoản thu khác	0	0	0	0	0

Số tiền được viện trợ, tài trợ, được biểu, tặng, ủng hộ

Danh mục	Tổng kinh phí (số tiền) thu được	Tổng kinh phí (số tiền) đã chi	Tổng kinh phí (số tiền) còn lại	Ghi chú
Số tiền được viện trợ, tài trợ, được biểu, tặng, ủng hộ	0	0	0	0

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học:

Năm học 2023-2024: Học kỳ I nhà trường có 07 học sinh, học kỳ II có 05 thuộc diện chính sách được hưởng trợ cấp theo quy định.

3. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù: Không

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Tóm tắt các kết quả nổi bật so với cùng kỳ năm học trước

- Nhà trường đã chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục mầm non, xây dựng nội quy, quy chế hoạt động cho nhà trường để triển khai tới toàn thể đội ngũ cán bộ, giáo viên toàn trường học tập để xây dựng một tập thể sư phạm đoàn kết, vững mạnh, triển khai và thực hiện tốt kế hoạch năm học, chỉ đạo giáo viên thực hiện tốt quy chế chuyên môn, tích cực làm đồ dùng đồ chơi phục vụ các môn học và các hoạt động, thực hiện đúng chế độ làm việc của giáo viên, chế độ ngày hội, ngày lễ, chế độ nghỉ thai sản của cán bộ và giáo viên theo quy định của Nhà nước.

- Các đợt kiểm tra của Phòng giáo dục, UBND xã nhà trường được đánh giá thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ trong năm học; Kiểm tra công tác Phổ cập giáo dục, công tác chuyên môn, công tác y tế trường học, công tác bán trú đều đạt kết quả tốt.

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường luôn chủ động có trách nhiệm trong các nhiệm vụ được giao.

- CSVC trang thiết bị nhà trường tiếp tục được đầu tư, đáp ứng yêu cầu hiện nay.

- Duy trì số nhóm, lớp, huy động trẻ ra nhóm, lớp.

- Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ được nâng lên, đã đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ, chất lượng nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe cho trẻ cũng được nâng lên, số trẻ ăn bán trú vượt chỉ tiêu, số trẻ suy dinh dưỡng giảm. 100% nhóm, lớp thực hiện tốt chương trình GDMN theo quy định, số trẻ đạt ở các lĩnh vực cũng tăng. Đã duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi, triển khai và thực hiện hiệu quả chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”.

- Thực hiện tốt phong trào thi đua: Hội thi GV giỏi cấp trường có 19 GV đạt GV giỏi cấp trường; 02 GV đạt GVG cấp huyện.

- Tổ chức tốt Hội thi đồ dùng đồ chơi tự làm.

- Tổ chức tốt các ngày hội, ngày lễ cho trẻ đạt hiệu quả cao.

- Tổ chức tốt ngày hội thể dục thể thao cho trẻ.

- Làm tốt công tác tham mưu với lãnh đạo các cấp, đặc biệt là lãnh đạo địa phương đã đầu tư kinh phí tu sửa cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị cho nhà trường được đầy đủ, khang trang và hiện đại.

- Năm học 2023-2024 Trường Mầm non Vĩnh Khúc đã không ngừng phấn đấu, làm tốt công tác chăm sóc, giáo dục trẻ như:

+ Tỷ lệ trẻ đến lớp vượt chỉ tiêu so với đầu năm học: Tỷ lệ trẻ đến trường đều vượt chỉ tiêu PGD đề ra.

+ Tỷ lệ trẻ ăn bán trú đạt 100% vượt 0,1% so với kế hoạch phòng đề ra.

+ 100% trẻ 6 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục MN có đủ điều kiện bàn giao lên lớp 1 trường tiểu học. Trẻ an toàn cả về thể chất và tinh thần khi ở trường, đảm bảo an toàn tuyệt đối về VSATTP.

- Về danh hiệu thi đua cuối năm học, nhà trường đề nghị Hội đồng TĐKT huyện xét tặng danh hiệu:

+ Tập thể: Lao động tiên tiến

+ Cá nhân: 03 đồng chí CSTĐ, 25 đồng chí LĐTT, 01 đồng chí đề nghị UBND huyện tặng giấy khen.

2. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước:

- Cán bộ, giáo viên, nhân viên đều chấp hành tốt mọi chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, năm học vừa qua không có cán bộ giáo viên vi phạm pháp luật.

- Cán bộ giáo viên đều liên hệ và làm tốt mối liên hệ với khu dân cư nơi mình sinh sống, thể hiện tinh thần đoàn kết gắn bó, đồng thời làm tốt công tác

tuyên truyền để mọi người dân thực hiện tốt mọi chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Nhà trường thực hiện tốt việc chăm lo đời sống cho cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn đảm bảo cho cán bộ giáo viên nhân viên được sống và làm việc trong môi trường lành mạnh, thân thiện, hạnh phúc. Cán bộ giáo viên luôn yêu nghề, mến trẻ, tâm huyết với nghề, yên tâm công tác.

3. Hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể

* *Về tổ chức Đảng:* Chi bộ trường Mầm non có 18 Đảng viên. Chi Bộ nhà trường nhiều năm liền đạt danh hiệu chi bộ trong sạch vững mạnh. Cuối năm 2023, Chi bộ được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ.

* *Về tổ chức Công đoàn:*

Công đoàn phối hợp với nhà trường tổ chức cho nhà giáo và người lao động trong ngành nghiên cứu Điều lệ trường Mầm non, các văn bản về chuẩn nghề nghiệp giáo viên, quy định đạo đức nhà giáo, tham gia xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ. 100% CBGV thực hiện tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước. Không có CBGV và nhân viên vi phạm pháp luật và các tệ nạn xã hội.

- Việc thực hiện Quy chế dân chủ tại đơn vị được thực hiện tốt 3 công khai trong nhà trường.

- 100% CBGV và học sinh thực hiện tốt an ninh trật tự, an toàn giao thông. Trong 3 năm qua không có trường hợp nào vi phạm.

- 100% CBGV thực hiện tốt việc phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm.

- Đoàn kết nội bộ tốt. Không có trường hợp nào gây mất đoàn kết, khiếu nại khiếu kiện xảy ra.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
Lê Chi Hương

